**P****HỤ LỤC 03**

**Nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đăng kiểm,**

**lĩnh vực đường bộ và lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền**

**giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2017*

*của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**1. Chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án trong danh mục dự án đã công bố).**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày danh mục dự án được công bố nhà đầu tư gửi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản trả lời nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư hoặc thành viên đứng đầu liên danh (đối với trường hợp Nhà đầu tư liên danh) thực hiện dự án phải là chủ sở hữu các thiết bị thi công chủ yếu để thi công công trình mới được xem xét thẩm định lựa chọn thực hiện dự án.

- Nội dung thẩm định lựa chọn nhà đầu tư

+ Việc thẩm định được thực hiện theo phương pháp chấm điểm (thang điểm 100). Nhà đầu tư được lựa chọn phải đạt số điểm tối thiểu 70 điểm trong tổng số điểm quy định, đồng thời số điểm của từng nội dung phải đạt tối thiểu lớn hơn hoặc bằng 50% điểm tối đa trong các tiêu chí theo mẫu;

+ Trường hợp các nhà đầu tư có số điểm chấm bằng nhau, thì ưu tiên lựa chọn Nhà đầu tư có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền tại địa phương có dự án đi qua cấp.

- Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo mẫu gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận gửi Sở Giao thông vận tải và nhà đầu tư. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký thực hiện dự án theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp đồng liên danh (đối với nhà đầu tư liên danh);

- Báo cáo tài chính 02 năm liền kề gần nhất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế); báo cáo về năng lực thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư (nếu có); báo cáo về năng lực nhân sự của nhà đầu tư, năng lực kỹ thuật (máy móc, phương tiện, thiết bị); văn bản cam kết vốn thực hiện dự án;

- Trường hợp nhà đầu tư tham gia với tư cách nhà đầu tư liên danh: đại diện liên danh lập hồ sơ năng lực từng thành viên trong liên danh theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Văn bản đăng ký thực hiện dự án.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

 Mẫu: Văn bản đăng ký thực hiện dự án

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NHÀ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     /….. V/v: Đăng ký thực hiện dự án.... | *…….., ngày … tháng … năm …* |

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh

…………………………......................................(1)……………………………

…………………………......................................(2)……………………………

……………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **NHÀ ĐẦU TƯ**  (Chữ ký, dấu)  **Họ và tên** |

**Ghi chú:**

(1) Nội dung văn bản khái quát thông tin của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại...);

(2) Khái quát dự án: sự cần thiết, tên dự án, vị trí, địa điểm, phạm vi, hình thức thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện và các nội dung khác liên quan.

*Mẫu: Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ---------------** |
| Số:     /….. | *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**

**Dự án nạo vét luồng đường thủy quốc gia, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, sông.... từ km.... đến ....**

Kính gửi: UBND cấp tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Thông tư số …../2015/TT-BGTVT ngày   tháng   năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

Xét văn bản số \_\_\_ [Ghi số hiệu văn bản trình] ngày \_\_\_ [Ghi thời gian văn bản trình] của \_\_\_ [Ghi nhà đầu tư] về việc …… [Ghi trích yếu văn bản], .... [Cục ĐTNĐVN, Sở GTVT] kính trình [Bộ Giao thông vận tải, UBND cấp tỉnh] báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án xã hội hóa nạo vét luồng đường thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

**I. Thông tin chung về nhà đầu tư.**

1. Tên nhà đầu tư:.....................................................................................

2. Người đại diện theo pháp luật:....................................................................

3. Địa chỉ:.........................................................................................................

4. Giấy chứng nhận ĐKDN:....................................................................

5. Vốn điều lệ:.................................................................................................

6. Ngành nghề kinh doanh:..............................................................................

**II. Đánh giá sự cần thiết thực hiện dự án** (trong đó nêu rõ sự cần thiết nạo vét; sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển đường thủy...).

**III. Bảng kết quả thẩm định hồ sơ năng lực của nhà đầu tư**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không** |  |
| **I** | **Tiêu chí tiên quyết** |  |  |  |
| 1 | Văn bản đăng ký theo mẫu |  |  |  |
| 2 | Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư |  |  |  |
| 3 | Năng lực tài chính |  |  |  |
| 4 | Năng lực kỹ thuật |  |  | Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này |
| 5 | Năng lực nhân sự |  |  |  |
| 6 | Kinh nghiệm của nhà đầu tư |  |  |  |
| **II** | **Tiêu chí lựa chọn** | **Điểm đánh giá** | **Điểm tối đa** |  |
| 1 | Dự án đăng ký |  | 15 | Điểm đánh giá được xác định một trong hai tiêu chí |
| a | Trong danh mục dự án đã được Bộ GTVT/UBND tỉnh phê duyệt |  | 15 |  |
| b | Ngoài danh mục dự án nhưng được Bộ GTVT/UBND cấp tỉnh chấp thuận công bố bổ sung |  | 10 |  |
| 2 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư |  | 10 |  |
| 3 | Báo cáo tài chính 02 năm liền kề gần nhất được cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận. |  | 15 |  |
| 4 | Năng lực kỹ thuật |  | 20 | Điểm đánh giá được xác định một trong ba tiêu chí |
| a | Máy móc thiết bị nạo vét, vận chuyển của nhà đầu tư (tàu cuốc hoặc đào gầu dây, tàu hút, sàlan) |  | 20 |  |
| b | Máy móc thiết bị nạo vét, vận chuyển của nhà đầu tư kết hợp đi thuê và liên doanh |  | 18 |  |
| c | Máy móc thiết bị hợp đồng hợp tác của đối tác liên doanh |  | 15 |  |
| 5 | Năng lực nhân sự |  | 20 | Điểm đánh giá tổng hợp của ba tiêu chí. |
| a | Cán bộ quản lý |  | 7 |  |
| b | Cán bộ kỹ thuật |  | 7 |  |
| c | Công nhân viên |  | 6 |  |
| 6 | Kinh nghiệm của nhà đầu tư |  | 20 | Điểm đánh giá tổng hợp của hai tiêu chí |
| a | Số năm kinh nghiệm |  | 5 |  |
| b | Quyết định giao thực hiện nạo vét duy tu hoặc Hợp đồng nạo vét duy tu đường thủy; Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm nạo vét; Hợp đồng hợp tác khác có liên quan đến nạo vét |  | 15 |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Lãnh đạo Sở GTVT**  (Chữ ký, dấu)  **Họ và tên** |

**2. Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**- Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thực hiện dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành khảo sát, lập và gửi bộ hồ sơ đề xuất dự án đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.**

**b) Giải quyết TTHC:**

**-**Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh **tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc,** Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh **phải có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư.**

**- Chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định** Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh **thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư. Trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.**

**2.  Cách thức thực hiện:**

**Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

- Báo cáo thuyết minh đề xuất thực hiện dự án với những nội dung chính sau đây:

+ Phân tích sự cần thiết, lợi thế trong việc thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm so với các hình thức đầu tư khác; các điều kiện thuận lợi, khó khăn; mục đích sử dụng sản phẩm tận thu được trong quá trình nạo vét;

+ Xác định địa điểm, quy mô, phạm vi thi công; xác định khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế đã được công bố hoặc phân tích, đề xuất thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thi công; dự kiến khối lượng đăng ký tận thu, phương án tập kết sản phẩm tận thu và vị trí đổ thải đối với sản phẩm nạo vét không tận thu;

+ Biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch và tiến độ thi công; biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng và tiến độ thực hiện, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;

+ Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

+ Phân tích phương án tài chính của dự án gồm những nội dung: tổng mức đầu tư dự án, cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động nhân lực, phương tiện, thiết bị; các khoản chi; nguồn thu, giá, phí; thời gian thu hồi vốn, lợi nhuận;

+ Thời gian và tiến độ thực hiện dự án.

- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất.

- Bản vẽ thiết kế: bản vẽ tổng mặt bằng (bình đồ khảo sát địa hình, tuyến luồng hoặc khu nước, vùng nước; vị trí tập kết phương tiện, vị trí tập kết sản phẩm nạo vét...); bản vẽ mặt bằng phạm vi khu vực nạo vét; bản vẽ chi tiết mặt cắt nạo vét; tọa độ mép luồng hoặc vùng nước trước cảng, bến tại mặt cắt và các bản vẽ khác có liên quan.

- Văn bản cam kết thực hiện dự án bao gồm: cam kết bố trí nhân lực, thiết bị đảm bảo tiến độ, chất lượng dự án và giải quyết khắc phục hậu quả nếu thực hiện dự án không đúng theo quy định; cam kết không gây sạt lở hai bên bờ sông khu vực thực hiện dự án; cam kết khắc phục mọi hậu quả do ảnh hưởng của dự án gây ra (nếu có) và cải tạo môi trường.

- Báo cáo thẩm tra dự án (đối với dự án có khối lượng nạo vét từ 300.000 m3 trở lên).

- Các tài liệu khác cần thiết cho việc giải trình hồ sơ đề xuất thực hiện dự án (nếu có

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:** Chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản phê duyệt.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

**3. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ cảng thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (cơ quan đã chấp thuận chủ trương xây dựng cảng).

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa do chủ cảng nộp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Bộ Giao thông vận tải ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bản sao chứng thực quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt; hồ sơ hoàn công;

- Biên bản nghiệm thu công trình;

- Bình đồ vùng nước của cảng;

- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi thay cho cầu tàu);

- Bản sao văn bản chứng nhận an ninh đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định..

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân .........................................................................................................

Địa chỉ trụ sở: ...................................................................................................................

Số điện thoại: ……………………………. Số FAX .......................................................

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2) ...........................................................

Vị trí cảng: từ km thứ ……………………………. đến km thứ ......................................

Trên bờ (phải hay trái) …………………. sông, (kênh) ...................................................

Thuộc xã (phường) ……………………………., huyện (quận) ......................................

Tỉnh (thành phố): .........................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ..............................................................................

Cảng thuộc loại: ...............................................................................................................

.................................................................................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: ...............................................................................................

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi): ......................................

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng:.............................................................................................

.........................................................................................................................................

Vùng đón trả hoa tiêu .......................................................................................................

Phương án khai thác .........................................................................................................

.........................................................................................................................................

Cảng có khả năng tiếp nhận loại phương tiện: ................................................................

Thời gian hoạt động từ ngày ……………………………. đến ngày ..............................

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |

***Ghi chú:***

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

2. Tên cảng thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

**4. Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu dự học, thi lấy GCNKNCM, kiểm tra lấy CCCM nộp hồ sơ đến cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề).

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM;

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh chức thi, kiểm tra, ra quyết định công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, CCCM nghiệp vụ và chứng chỉ an toàn cơ bản cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi, kiểm tra.

- Cá nhân khi dự thi, dự kiểm tra, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận GCNKNCM, CCCM phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

**2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: số 16 đường Nguyên Phi Ỷ Lan, phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, cơ sở dạy nghề;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:**

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tt** | **Nội dung công việc** | **Mức thu phí** (đồng/lần sát hạch) | | |
| Lý thuyết tổng hợp | Lý thuyết chuyên môn | Thực hành |
| **1** | [Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| 1.1 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [120.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [90.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| d | [Hạng tư](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | [80.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.2 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [60.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.3 | [Sát hạch lại cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [Sát hạch lại nội dung nào thì nộp phí mức sát hạch nội dung đó](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2 | [Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | | |
| 2.1 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.2 | [Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [20.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.3 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET)](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [135.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 02/2017/TTBGTVT

a) Điều kiện chung:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

- Hoàn thành chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại các khoản 9, 11 và khoản 13 Điều 6 của Thông tư này).

- Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

- Có giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

b) Điều kiện cụ thể

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ thuỷ thủ hạng nhất, hạng nhì; chứng chỉ thợ máy hạng nhất, hạng nhì: đủ 16 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, hạng nhì: đủ 18 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư:

+ Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì;

+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thuỷ thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;

+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì;

+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba hoặc máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng:

+ Có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thuỷ, nghề thuỷ thủ hoặc nghề máy tàu thuỷ, nghề thợ máy;

+ Hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TTBGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**5. Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM), chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: số 16 đường Nguyên Phi Ỷ Lan, phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 và Điều 20 của Thông tư 59/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.

**8. Phí, lệ phí:** thông tư số 198/2016/TT-BTC

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tt** | **Nội dung công việc** | **Mức thu phí** (đồng/lần sát hạch) | | |
| Lý thuyết tổng hợp | Lý thuyết chuyên môn | Thực hành |
| **1** | [Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| 1.1 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [120.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [90.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| d | [Hạng tư](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | [80.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.2 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [60.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.3 | [Sát hạch lại cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [Sát hạch lại nội dung nào thì nộp phí mức sát hạch nội dung đó](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2 | [Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | | |
| 2.1 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.2 | [Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [20.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.3 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET)](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [135.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 02/2017/TTBGTVT

a) Cấp GCNKNCM:

- Cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:

+ Hoàn thành một trong các chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

+ Người có bằng, chứng chỉ nghiệp vụ được cấp trước ngày 01/01/2015, có tên trong sổ cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản tại các cơ sở dạy nghề.

- Cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy, nghề máy tàu thủy;

+ Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.

b) Cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng 12 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng trên 12 tháng đến dưới 24 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng từ 24 tháng trở lên, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:

+ Người có GCNKNCM trong thời hạn 03 tháng trước khi GCNKNCM hết hạn hoặc quá thời hạn sử dụng 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.

- Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- GCNKNCM, CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.

- Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.

c)  Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp

- Người có bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng được cấp trước ngày 01/01/2015 thì tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp được cấp lại như sau:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba;

+ Người có bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ thợ máy được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì.

d) Chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư từ 400 cv trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng năm đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng hạng tư, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng nhỏ trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với lái phương tiện hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:

+ Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc cao đẳng trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung cấp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất phương tiện thủy nội địa không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải dự kiểm tra môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển;

+ Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

# - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TTBGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

***(\*)*** *02 ảnh màu cỡ 2x3 cm,ảnh chụp không quá 06 tháng.*

**6. Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Cơ sở dạy nghề.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nộp hồ sơ đến Cơ sở dạy nghề.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ sở dạy nghề có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cơ sở dạy nghề cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 và Điều 20 của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ sở dạy nghề;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở dạy nghề;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Chứng chỉ chuyên môn.

**8. Phí, lệ phí:** thông tư số 198/2016/TT-BTC

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tt** | **Nội dung công việc** | **Mức thu phí** (đồng/lần sát hạch) | | |
| Lý thuyết tổng hợp | Lý thuyết chuyên môn | Thực hành |
| **1** | [Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| 1.1 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [120.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [90.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| d | [Hạng tư](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | [80.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.2 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [60.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.3 | [Sát hạch lại cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [Sát hạch lại nội dung nào thì nộp phí mức sát hạch nội dung đó](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2 | [Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | | |
| 2.1 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.2 | [Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [20.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.3 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET)](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [135.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |

**9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT; Thông tư số 02/2017/TTBGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT

a) Cấp CCCM:

- Cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:

+ Hoàn thành một trong các chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề theo quy định tại Thông tư này.

+ Người có bằng, chứng chỉ nghiệp vụ được cấp trước ngày 01/01/2015, có tên trong sổ cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản tại các cơ sở dạy nghề

b) Cấp lại chứng chỉ chuyên môn

- Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp CCCM của cơ quan cấp CCCM được cấp lại CCCM.

- CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.

- Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.

c) Chứng chỉ chuyên môn đã cấp

- Người có chứng chỉ thủy thủ được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhất;

- Người có chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhì;

- Người có chứng chỉ thợ máy được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhất;

- Người có chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhì;

- Người có chứng chỉ lái phương tiện được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất;

- Người có chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì.

d) Chuyển đổi chứng chỉ chuyên môn

- Người có chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư từ 400 cv trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng năm đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng hạng tư, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng nhỏ trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với lái phương tiện hạng nhất, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:

+ Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc cao đẳng trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung cấp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi môn thi lý thuyết tổng hợp tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất phương tiện thủy nội địa không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải dự kiểm tra môn kiểm tra lý thuyết tổng hợp tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển;

+ Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

# - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TTBGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

***(\*)*** *02 ảnh màu cỡ 2x3 cm,ảnh chụp không quá 06 tháng.*

**7. Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu dự học kiểm tra lấy CCCM nộp hồ sơ đến cơ sở dạy nghề.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, kiểm tra lấy CCCM; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở dạy nghề phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở dạy nghề gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, kiểm tra lấy CCCM;

- Cơ sở dạy nghề tổ chức kiểm tra và cấp CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ kiểm tra.

- Cá nhân khi dự kiểm tra, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận CCCM phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác. Tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện kiểm tra tương ứng với loại CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ sở dạy nghề;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ sở dạy nghề;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** thông tư số 198/2016/TT-BTC

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tt** | **Nội dung công việc** | **Mức thu phí** (đồng/lần sát hạch) | | |
|  |  | Lý thuyết tổng hợp | Lý thuyết chuyên môn | Thực hành |
| **1** | [Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| 1.1 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [120.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [90.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| d | [Hạng tư](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | [80.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.2 | [Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  |  |  |
| a | [Hạng nhất](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [100.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| b | [Hạng nhì](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [70.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| c | [Hạng ba](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [40.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [60.000](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |
| 1.3 | [Sát hạch lại cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [Sát hạch lại nội dung nào thì nộp phí mức sát hạch nội dung đó](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2 | [Lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) |  | | |
| 2.1 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [50.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.2 | [Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [20.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |
| 2.3 | [Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET)](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | [135.000 đồng/giấy](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-47-2005-TT-BTC-huong-dan-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-le-phi-quan-ly-nha-nuoc-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-2249.aspx) | | |

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT; Thông tư số 02/2017/TTBGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT

a) Điều kiện chung:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

- Hoàn thành chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại các khoản 9, 11 và khoản 13 Điều 6 của Thông tư này).

- Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

- Có giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

b) Điều kiện cụ thể

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ thuỷ thủ hạng nhất, hạng nhì; chứng chỉ thợ máy hạng nhất, hạng nhì: đủ 16 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, hạng nhì: đủ 18 tuổi trở lên.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư:

+ Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì;

+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thuỷ thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;

+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo nghề điều khiển tàu thuỷ, nghề thuỷ thủ, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì;

+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba.

+ Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề máy tàu thuỷ, nghề thợ máy, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

**-** Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

# - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2017/TTBGTVT ngày 20/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu: Đơn đề nghị

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**8. Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận vận tải hành khách ngang sông đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

2. Sở Giao thông vận tải Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải liên quan trong trường hợp phương tiện hành trình qua vùng nước hàng hải, ý kiến của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trong trường hợp phương tiện hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia liên quan;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản chấp thuận theo mẫu cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách ngang sông. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách ngang sông theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức khai thác bến khách ngang sông đồng ý cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (nếu có); Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải liên quan, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách ngang sông.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

**Mẫu: Bản đăng ký**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……., ngày …. tháng …. năm 20….*

**BẢN ĐĂNG KÝ**

**Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa**

Kính gửi:…………………………………………………..

- Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh: .............................................................

- Địa chỉ giao dịch: ........................................................................

- Số điện thoại: …………………………………….; Fax/email: ................

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:…………………. ngày ..............

- Cơ quan cấp: .....................................................................................

**Đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao**

**gửi trên đường thủy nội địa**

**1. Các tuyến hoạt động:**

- Tuyến 1: từ ……………………………..đến ...............................................

*(Các tuyến khác ghi tương tự*)

**2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:**

Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký) ……, trọng tải: ….(ghế)

(*Các phương tiện khác ghi tương tự*)

**3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:**

- Tuyến 1:

+ Có …………………chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại:……………………… vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần):

+ Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến: ……………………………

*(Các tuyến khác ghi tương tự)*

**4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải:**

.................................................................................................................................

**5. Thời hạn hoạt động:**

.................................................................................................................................

**6. Cam kết:** Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tả**i *Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)* |

**9. Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải liên quan trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải, ý kiến của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản chấp thuận theo mẫu cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên đường thủy nội địa theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức khai thác cảng, bến thủy nội địa đồng ý cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

- Phương án khai thác tuyến;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải liên quan, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên đường thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

**10. Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa hoặc bến khách ngang sông đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với bến thủy trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải lấy ý kiến của Chi Cục Đường thủy nội địa về vị trí và ảnh hưởng của bến đối với luồng và phạm vi bảo vệ các công trình khác ở khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tải kèm hồ sơ theo quy định, Chi Cục Đường thủy nội địa có văn bản trả lời.

+ Đối với bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

+ Đối với bến khách ngang sông, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến xây dựng bến. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tải kèm hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa hoặc Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo mẫu;

- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Chi Cục Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa;

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)………………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân ......................................................................................................

Địa chỉ trụ sở: .................................................................................................................

Số điện thoại: …………………………………. Số FAX ..............................................

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2) ......................................

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ ………………………………. đến km thứ ............

bờ (phải hay trái) ……………. sông, (kênh) ……………………………… thuộc xã (phường) …………………………, huyện (quận)…………………………. tỉnh (thành phố): ............

Quy mô dự kiến xây dựng: .............................................................................................

Bến được sử dụng vào mục đích: ...................................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: .............................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài: ……………..mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng……………..mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |

***Ghi chú:***

1. Tên Sở Giao thông vận tải;

2. Tên bến thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân ......................................................................................................

Địa chỉ: ...........................................................................................................................

Làm đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông:

Tên bến ...........................................................................................................................

Vị trí dự kiến mở bến: Từ km thứ ……………. đến km thứ ……………. Bên bờ (phải/trái) ……………. của sông (kênh) ………........................................................

Thuộc xã (phường) ……………………… huyện (quận) .............................................

tỉnh (thành phố) .............................................................................................................

Quy mô dự kiến xây dựng: ............................................................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: .............................................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng: ..........................................................................................

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến của UBND cấp xã**  (2) | **Người làm đơn** Ký tên |

***Ghi chú:***

(1). Tên Sở Giao thông vận tải;

(2) Nội dung UBND cấp xã nơi mở bến xác nhận người làm đơn hiện đang cư trú tại địa phương có đủ điều kiện đầu tư xây dựng bến và tổ chức quản lý khai thác hoạt động bến khách ngang sông theo quy định

**11. Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ bến thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Đối với bến khách ngang sông, trường hợp bến ở hai bên bờ đều do một chủ khai thác và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động của một cơ quan thì chủ khai thác bến khách ngang sông làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu, Cơ quan có thẩm quyền cấp một giấy phép hoạt động bến khách ngang sông cho cả hai đầu bến.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hoặc Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;

- Biên bản nghiệm thu công trình;

- Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;

- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép.

- Thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động bến thủy nội địa bằng thời hạn sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ bến hoặc theo đề nghị của chủ bến.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở bến hoạt động tạm thời để bốc xếp vật tư, thiết bị, vật liệu phục vụ xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp thì thời hạn hiệu lực của giấy phép hoạt động của bến bằng thời gian thực hiện xây dựng công trình, nhà máy, khu công nghiệp.

**8. Phí, lệ phí:** Theo Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính; Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính

- Lệ phí: 40.000 đồng/Giấy phép.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa;

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………………. Số FAX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …… ngày …… tháng …… Năm

do cơ quan …………………………………………………………cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứ ……………………………… đến km thứ

bờ (phải hay trái) …………………… sông (kênh)

thuộc xã (phường) ……………, huyện (quận) ……………… tỉnh (thành phố):

Kết cấu, quy mô của bến:

Phương án khai thác:

Bến được sử dụng để:

Phạm vi vùng đất sử dụng

Phạm vi vùng nước sử dụng

- Chiều dài: ………………mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ………………mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ………………………………… đến ngày

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ờ **** |

***Ghi chú:*** 1. Tên Sở Giao thông vận tải

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân …

Địa chỉ: …

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số………………………… ngày …

do cơ quan: ……………………………………………………………………cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến …

Vị trí bến: …

- Từ km thứ ……… đến km thứ ……… Bên bờ (phải, trái) ……………… của sông

………………, thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố) …

Vùng đất sử dụng: …

Vùng nước xin phép sử dụng: …

+ Chiều dài: ………m đọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng: ………m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động: …

…

Đề nghị được hoạt động từ ngày …. tháng …. năm …. đến ngày …. tháng …năm…

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ờ **** |

***Ghi chú:*** (1) Tên Sở Giao thông vận tải.

**12. Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ bến thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

- Bến thủy nội địa phải được cấp lại giấy phép hoạt động trong các trường hợp sau:

+ Giấy phép hoạt động hết hiệu lực;

+ Thay đổi chủ sở hữu;

+ Thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa gửi chủ bến, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu;

- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung của giấy phép đã được cấp, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng bến và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu bến hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

- Trường hợp do thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị các giấy tờ pháp lý chứng minh các sự thay đổi nêu trên;

- Đối với bến thủy nội địa do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực của bến, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 6 và Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;

+ Biên bản nghiệm thu công trình;

+ Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Đối với bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 mà bị thất lạc hồ sơ thì chủ bến phải kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình bến, sơ đồ vùng nước, vùng đất của bến.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** 40.000 đồng/Giấy chứng nhận. Theo Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………….. Số FAX

Làm đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Vị trí bến: từ km thứ ………………………… đến km thứ …………………………. trên bờ (phải hay trái) …………………. sông (kênh) ……………….. thuộc xã (phường)………….., huyện (quận) ………………….………… tỉnh (thành phố):

Kết cấu, quy mô công trình bến:

Phương án khai thác

Bến được sử dụng để:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài: ………………. mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ………………. mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động:

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ………………………………. đến ngày

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ờ **** |

***Ghi chú:*** (1) Tên Sở Giao thông vận tải;

**13. Công bố mở luồng, tuyến đường thuỷ nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng gửi hồ sơ theo đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa (bản chính) theo mẫu, nêu rõ loại đường thủy nội địa đề nghị công bố; chiều dài luồng, tuyến đường thủy nội địa và cấp kỹ thuật của luồng, tuyến đường thủy nội địa; thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng, tuyến đường thủy nội địa;

- Quyết định phê duyệt dự án (bản sao chứng thực);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (bản sao);

- Hồ sơ hoàn công công trình (bản sao);

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng;

+ Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Tờ trình đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Tờ trình***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH **……… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /TTr | *………., ngày tháng năm 20* |

**TỜ TRÌNH**

Về ………………………... (1)

Kính gửi: ……………(2)…………….

………………………..(3) …………………………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(5). | **THỦ TRƯỞNG (4)** (Ký tên, đóng dấu, họ và tên) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình, ngắn gọn, rõ ràng.*

*(2) Tên cơ quan quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11 của Thông tư.*

*(3) Nội dung Tờ trình theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11 của Thông tư:*

*(4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức*

*(5) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**14. Công bố đóng luồng, tuyến đường thuỷ nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị công bố đóng luồng, tuyến đường thuỷ nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận thẩm định hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân sử dụng đường thủy nội địa chuyên dùng, trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do S Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa theo mẫu.

- Biên bản kiểm tra, đánh giá luồng, tuyến đường thủy nội địa giữa cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải với đơn vị, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác.

- Hồ sơ quản lý trong quá trình khai thác, sử dụng luồng, tuyến đường thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Tờ trình đề nghị công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**15. Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**- Trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa theo quy định, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thỏa thuận.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận theo mẫu. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, quy mô công trình, tình hình thủy văn và các kết cấu chính của công trình.

- Bình đồ khu vực xây dựng công trình hoặc bản đồ thể hiện vị trí công trình với hệ tọa độ, mốc cao độ liên hệ với hệ mốc quốc gia. Trên bình đồ thể hiện cao độ tự nhiên mặt cắt ngang theo phạm vi dọc tuyến đường thủy nội địa đối với khu vực xây dựng công trình.

- Ngoài hai thành phần hồ sơ nói trên, hồ sơ phải có các tài liệu cho từng trường hợp cụ thể sau đây:

+ Đối với công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm, âu tàu: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, khẩu độ cầu, chiều cao tình không); Mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông;

+ Đối vái cầu quay, cầu cất, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu phải thể hiện rõ phương án và công nghệ đóng, mở, vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện thủy neo đậu khi chờ đợi;

+ Đối với công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không: Bản vẽ, các số liệu thể hiện rõ điểm thấp nhất của đường dây, đường ống (điểm thấp nhất của đường dây điện tính cả hành lang an toàn lưới điện);

+ Đối với công trình ngầm dưới đáy luồng: Bản vẽ thể hiện kích thước, cao trình của đỉnh kết cấu công trình ngầm;

+ Đối với công trình bến phà: Bản vẽ thể hiện hướng và kích thước các bến ở hai bờ, các công trình phụ trợ và vùng nước cần thiết cho hoạt động của phà;

+ Đối với công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng: Bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng, kích thước, kết cấu các cầu cảng, các công trình phụ trợ và vùng nước cần thiết cho hoạt động của cảng;

+ Đối với công trình kè, công trình chỉnh trị: Bản vẽ thể hiện hướng và các kích thước của công trình, phần công trình nhô từ bờ ra ngoài;

+ Đối với khai thác tài nguyên: Bình đồ, các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định vị trí nạo vét, đổ đất hoặc khai thác tài nguyên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thỏa thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản thỏa thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(7). | **THỦ TRƯỞNG (6) (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.*

*(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.*

*(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

***Mẫu: Tờ trình***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH **……… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /TTr | *………., ngày tháng năm 20* |

**TỜ TRÌNH**

Về ………………………... (1)

Kính gửi: ……………(2)…………….

………………………..(3) …………………………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(5). | **THỦ TRƯỞNG (4) (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình, ngắn gọn, rõ ràng.*

*(2) Tên cơ quan quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11 của Thông tư.*

*(3) Nội dung Tờ trình theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11 của Thông tư:*

*(4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức*

*(5) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**16. Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**- Trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa theo quy định, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có ý kiến trả lời bằng văn bản. Trường hợp cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận theo mẫu. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, quy mô công trình, tình hình thủy văn và các kết cấu chính của công trình.

- Bình đồ khu vực xây dựng công trình hoặc bản đồ thể hiện vị trí công trình với hệ tọa độ, mốc cao độ liên hệ với hệ mốc quốc gia. Trên bình đồ thể hiện cao độ tự nhiên mặt cắt ngang theo phạm vi dọc tuyến đường thủy nội địa đối với khu vực xây dựng công trình.

- Ngoài hai thành phần hồ sơ nói trên, hồ sơ phải có các tài liệu cho từng trường hợp cụ thể sau đây:

+ Đối với công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm, âu tàu: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, khẩu độ cầu, chiều cao tình không); Mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông;

+ Đối vái cầu quay, cầu cất, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu phải thể hiện rõ phương án và công nghệ đóng, mở, vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện thủy neo đậu khi chờ đợi;

+ Đối với công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không: Bản vẽ, các số liệu thể hiện rõ điểm thấp nhất của đường dây, đường ống (điểm thấp nhất của đường dây điện tính cả hành lang an toàn lưới điện);

+ Đối với công trình ngầm dưới đáy luồng: Bản vẽ thể hiện kích thước, cao trình của đỉnh kết cấu công trình ngầm;

+ Đối với công trình bến phà: Bản vẽ thể hiện hướng và kích thước các bến ở hai bờ, các công trình phụ trợ và vùng nước cần thiết cho hoạt động của phà;

+ Đối với công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng: Bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng, kích thước, kết cấu các cầu cảng, các công trình phụ trợ và vùng nước cần thiết cho hoạt động của cảng;

+ Đối với công trình kè, công trình chỉnh trị: Bản vẽ thể hiện hướng và các kích thước của công trình, phần công trình nhô từ bờ ra ngoài;

+ Đối với khai thác tài nguyên: Bình đồ, các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định vị trí nạo vét, đổ đất hoặc khai thác tài nguyên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản thỏa thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(7). | **THỦ TRƯỞNG (6) (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.*

*(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.*

*(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

***Mẫu: Tờ trình***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH **……… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: /TTr | *………., ngày tháng năm 20* |

**TỜ TRÌNH**

Về ………………………... (1)

Kính gửi: ……………(2)…………….

………………………..(3) …………………………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

…………………………………………….…………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(5). | **THỦ TRƯỞNG (4) (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình, ngắn gọn, rõ ràng.*

*(2) Tên cơ quan quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11 của Thông tư.*

*(3) Nội dung Tờ trình theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 11 của Thông tư:*

*(4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.*

*(5) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**17. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Trước khi thi công công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công dự án phải gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc cần kéo dài thời gian xem xét, S Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm;

- Chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình và Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thống nhất xác định vùng nước và hiện trạng luồng trong phạm vi thi công công trình.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(7). | **THỦ TRƯỞNG (6) (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.*

*(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.*

*(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**18. Chấp thuận điều chỉnh phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Trường hợp phải thay đổi phương án thi công công trình, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh**.**

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ xin điều chỉnh phương án; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 (hai) ngày làm việc. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản chấp thuận phương án điều chỉnh. Trường hợp không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án.

- Đối với phương án điều chỉnh phải nêu rõ lý do điều chỉnh cho mỗi trường hợp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(7). | **THỦ TRƯỞNG (6) (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.*

*(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.*

*(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**19. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Trước khi thi công công trình tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 ngày làm việc;

- Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án..

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa**.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

***Mẫu: Công văn***

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN TRÌNH**…… -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /..(1)..-(2) V/v………….(3) | *………., ngày  tháng  năm* |

Kính gửi: ……………(4)…………….

………………………..(5) ………………………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

…………………………………………….………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ...(7). | **THỦ TRƯỞNG (6) (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ghi chú:**

*(1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.*

*(2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.*

*(3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.*

*(4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.*

*(5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.*

*(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.*

*(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).*

**20. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp  tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**-** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh**.**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh xem xét, xác định biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để có văn bản trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa. Văn bản trả lời phải nêu rõ yêu cầu về biện pháp bảo đảm an toàn giao thông..

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị (nêu rõ địa điểm, thời gian, phạm vi, quy mô tổ chức hoạt động và các văn bản pháp lý kèm theo).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý đường thủy nội địa.

**21.** **Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở lên.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức có nhu cầu đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn trong thời hạn 03 ngày phải tiến hành kiểm tra thực tế; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở dạy nghề và lập biên bản thẩm định theo quy định tại Phụ lục X của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở dạy nghề. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

 - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận của cơ sở dạy nghề;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao Giấy chứng nhận an toàn phòng chống cháy nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy theo mẫu kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

- Các giấy tờ về sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; phương tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định..

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

**-** Giấy chứng nhận.

- Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** theo Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT

a) Tiêu chuẩn chung đối với phòng học

- Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt 48 m2, định mức chung phải đạt ít nhất 1,5 m2/học sinh.

- Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo.

- Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi trường bị ô nhiễm.

- Có đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với các phòng học chuyên môn

- Phòng học ngoại ngữ: có hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá.

- Phòng học tin học: có ít nhất 05 máy vi tính đang hoạt động, được lắp đặt trên các bàn chuyên dùng.

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa:

+ Có sa bàn đắp nổi hoặc sơ đồ khu vực luồng điển hình, mô hình hệ thống báo hiệu đường thuỷ nội địa phục vụ cho việc giảng dạy các tình huống khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông;

+ Có các bản vẽ về báo hiệu đường thuỷ nội địa, bản đồ hệ thống sông ngòi và các tuyến đường thuỷ nội địa Việt Nam;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học điều khiển phương tiện thuỷ nội địa:

+ Có mô phỏng hoặc tối thiểu là mô hình hệ thống điều khiển;

+ Có đồ dùng, thiết bị để giảng dạy thao tác cơ bản về hệ thống điều khiển đủ số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học lý thuyết máy - điện:

+ Có mô hình, các bản vẽ chi tiết máy, các thiết bị đo lường về thông số máy;

+ Có bảng điện tàu thuỷ, các thiết bị đo điện;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học thủy nghiệp cơ bản: các thiết bị, hiện vật phục vụ giảng dạy, học tập có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

c) Tiêu chuẩn đối với xưởng thực hành

- Xưởng thực hành nguội:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên;

+ Các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

- Xưởng thực hành máy - điện - cơ khí:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên, các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập;

+ Có các loại máy tàu thuỷ theo hạng bằng được đào tạo, bổ túc;

+ Có sơ đồ, mô hình hệ thống điện máy tàu và mạng điện trên phương tiện, các thiết bị điện cần thiết trên phương tiện;

+ Thiết bị phục vụ sửa chữa máy tàu thuỷ có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

d) Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Có vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy phương tiện thuỷ nội địa được Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải đồng ý, có khu vực luồng chạy tàu thuyền được lắp đặt những báo hiệu cần thiết để người học thực hành.

- Có cầu tàu cố định để dạy nghề thuyền trưởng từ hạng nhì trở lên hoặc lắp đặt tối thiểu cầu tạm để dạy nghề thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư và chứng chỉ chuyên môn; có báo hiệu giới hạn vùng nước để các phương tiện thực hành ra vào bến trong các tình huống, có đủ loại cọc bích và đệm chống va phục vụ thực hiện các thao tác nghề nghiệp của thuyền viên.

- Có đủ phương tiện thực hành theo hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM, CCCM). Trong khi thực hành, phương tiện phải treo biển "Phương tiện huấn luyện".

- Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Có địa điểm để người học ngồi quan sát, chờ thực hành.

đ) Tài liệu phục vụ giảng dạy

- Có chương trình, giáo trình đào tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có hệ thống các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học được phê duyệt theo quy định.

- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

e) Đội ngũ giáo viên

- Bao gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng.

- Cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đủ giáo viên để giảng dạy các môn học theo đúng chương trình quy định, có phân công và công bố lịch lên lớp theo từng học kỳ (đối với chương trình đào tạo) hoặc toàn khoá học (đối với chương trình bổ túc, bồi dưỡng).

- Số giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy từng chương trình.

g) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên

- Đạt trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề theo quy định của Luật Dạy nghề.

- Có phẩm chất, đạo đức tốt.

- Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Lý lịch bản thân rõ ràng.

h) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên

- Giáo viên dạy lý thuyết:

+ Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên đúng chuyên ngành hoặc tương đương chuyên ngành được phân công giảng dạy;

+ Ngoại ngữ trình độ A tiếng Anh trở lên;

+ Tin học trình độ A trở lên.

+ Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ tiếng Anh trở lên.

- Giáo viên dạy thực hành:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng GCNKNCM được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh GCNKNCM hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông Đường thủy nội địa năm 2004;

- Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề và chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa.

***Mẫu: Danh sách trích ngang***

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SƠ DẠY NGHỀ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **NĂM SINH** | **TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** | | | | | **HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG** | | **GHI CHÚ** |
| **Văn bằng** | **Chuyên môn** | **Sư phạm** | **Tin học** | **Ngoại ngữ** | **Cơ hữu** | **Thỉnh giảng** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **12** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày........tháng.........năm........  **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ DẠY NGHỀ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**22.** **Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở lên.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn 60 ngày, nếu tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn trong thời hạn 03 ngày phải tiến hành kiểm tra thực tế; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở dạy nghề và lập biên bản thẩm định theo quy định tại Phụ lục X của Thông tư này.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở dạy nghề. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

 - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận của cơ sở dạy nghề;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao Giấy chứng nhận an toàn phòng chống cháy nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy theo mẫu kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

- Các giấy tờ về sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; phương tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định..

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

**-** Giấy chứng nhận.

- Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** theo Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

a) Tiêu chuẩn chung đối với phòng học

- Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt 48 m2, định mức chung phải đạt ít nhất 1,5 m2/học sinh.

- Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo.

- Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi trường bị ô nhiễm.

- Có đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với các phòng học chuyên môn

- Phòng học ngoại ngữ: có hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá.

- Phòng học tin học: có ít nhất 05 máy vi tính đang hoạt động, được lắp đặt trên các bàn chuyên dùng.

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa:

+ Có sa bàn đắp nổi hoặc sơ đồ khu vực luồng điển hình, mô hình hệ thống báo hiệu đường thuỷ nội địa phục vụ cho việc giảng dạy các tình huống khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông;

+ Có các bản vẽ về báo hiệu đường thuỷ nội địa, bản đồ hệ thống sông ngòi và các tuyến đường thuỷ nội địa Việt Nam;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học điều khiển phương tiện thuỷ nội địa:

+ Có mô phỏng hoặc tối thiểu là mô hình hệ thống điều khiển;

+ Có đồ dùng, thiết bị để giảng dạy thao tác cơ bản về hệ thống điều khiển đủ số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học lý thuyết máy - điện:

+ Có mô hình, các bản vẽ chi tiết máy, các thiết bị đo lường về thông số máy;

+ Có bảng điện tàu thuỷ, các thiết bị đo điện;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

- Phòng học thủy nghiệp cơ bản: các thiết bị, hiện vật phục vụ giảng dạy, học tập có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

c) Tiêu chuẩn đối với xưởng thực hành

- Xưởng thực hành nguội:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên;

+ Các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

- Xưởng thực hành máy - điện - cơ khí:

+ Diện tích từ 60 m2 trở lên, các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập;

+ Có các loại máy tàu thuỷ theo hạng bằng được đào tạo, bổ túc;

+ Có sơ đồ, mô hình hệ thống điện máy tàu và mạng điện trên phương tiện, các thiết bị điện cần thiết trên phương tiện;

+ Thiết bị phục vụ sửa chữa máy tàu thuỷ có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT.

d) Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Có vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy phương tiện thuỷ nội địa được Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải đồng ý, có khu vực luồng chạy tàu thuyền được lắp đặt những báo hiệu cần thiết để người học thực hành.

- Có cầu tàu cố định để dạy nghề thuyền trưởng từ hạng nhì trở lên hoặc lắp đặt tối thiểu cầu tạm để dạy nghề thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư và chứng chỉ chuyên môn; có báo hiệu giới hạn vùng nước để các phương tiện thực hành ra vào bến trong các tình huống, có đủ loại cọc bích và đệm chống va phục vụ thực hiện các thao tác nghề nghiệp của thuyền viên.

- Có đủ phương tiện thực hành theo hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM, CCCM). Trong khi thực hành, phương tiện phải treo biển "Phương tiện huấn luyện".

- Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư 57/2014/TT-BGTVT.

- Có địa điểm để người học ngồi quan sát, chờ thực hành.

đ) Tài liệu phục vụ giảng dạy

- Có chương trình, giáo trình đào tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có hệ thống các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học được phê duyệt theo quy định.

- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

e) Đội ngũ giáo viên

- Bao gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng.

- Cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đủ giáo viên để giảng dạy các môn học theo đúng chương trình quy định, có phân công và công bố lịch lên lớp theo từng học kỳ (đối với chương trình đào tạo) hoặc toàn khoá học (đối với chương trình bổ túc, bồi dưỡng).

- Số giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy từng chương trình.

g) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên

- Đạt trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề theo quy định của Luật Dạy nghề.

- Có phẩm chất, đạo đức tốt.

- Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Lý lịch bản thân rõ ràng.

h) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên

- Giáo viên dạy lý thuyết:

+ Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên đúng chuyên ngành hoặc tương đương chuyên ngành được phân công giảng dạy;

+ Ngoại ngữ trình độ A tiếng Anh trở lên;

+ Tin học trình độ A trở lên.

+ Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ tiếng Anh trở lên.

- Giáo viên dạy thực hành:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng GCNKNCM được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh GCNKNCM hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông Đường thủy nội địa năm 2004;

- Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề và chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thuỷ nội địa.

***Mẫu: Danh sách trích ngang***

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SƠ DẠY NGHỀ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **NĂM SINH** | **TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO** | | | | | **HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG** | | **GHI CHÚ** |
| **Văn bằng** | **Chuyên môn** | **Sư phạm** | **Tin học** | **Ngoại ngữ** | **Cơ hữu** | **Thỉnh giảng** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **12** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày........tháng.........năm........  **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ DẠY NGHỀ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**23.** **Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh:

* Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;
* Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình  Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở giao thông vận tải Bắc Ninh; cơ quan quản lý giao thông cấp huyện; UBND các xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c)Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở giao thông vận tải Bắc Ninh; cơ quan quản lý giao thông cấp huyện; UBND các xã;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**8. Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận. Theo Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

*Mẫu: Đơn đề nghị*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ   
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu …..

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Ký hiệu thiết kế: ……………

Công dụng: ……………………………………………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………

Cấp tàu: ……………………………………… Vật liệu vỏ: ……………

Chiều dài thiết kế: ……………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………m

Chiều rộng thiết kế: ……………… m Chiều rộng lớn nhất: …………………m

Chiều cao mạn: ……………. m Chiều chìm: …………………………m

Mạn khô: ………………………. m Trọng tải toàn phần: …………………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ……………… tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………

……………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ………………………………………………………………

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ……………..ngày ….. tháng ….. năm 20 …

Do cơ quan ……………………………………………………………cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: …………

………………………………… do cơ quan ……………………………cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………. ngày ……. tháng …….. năm 20 …

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)** |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

***Mẫu: Bản kê khai***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ……

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………………

- Điện thoại: ………………………………….. Email: …………………………

Loại phương tiện: …………………………………………………………………

Vật liệu đóng phương tiện: …………………………………………………………

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): ……………………………../………………………… (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ……………………………. tấn.

b) Sức chở người: ………………………………….. người.

Tình trạng thân vỏ: ………………………………………………………………..

Tình trạng hoạt động của máy: ……………………………………………………

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại ……………………

Đèn tín hiệu: .…………………………………………………………………

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**24. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

- Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở giao thông vận tải Bắc Ninh; cơ quan quản lý giao thông cấp huyện; UBND các xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở giao thông vận tải Bắc Ninh; cơ quan quản lý giao thông cấp huyện; UBND các xã;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

**Mẫu Đơn đề nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)* | |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………… đại diện cho các đồng sở hữu …...

- Trụ sở chính: (1)……………...................................................................

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………….

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ......................... Chiều cao mạn: ........................m

Năm hoạt động:............................ Chiều chìm:…….......................m

Công dụng:……..………………. Mạn khô:……………….……..m

Năm và nơi đóng:..................…… Trọng tải toàn phần: ................tấn

Vật liệu vỏ:………........………… Số người có thể chở:……... người

Chiều dài lớn nhất:..................(m) Sức kéo, đẩy…………..…….. tấn

Chiều rộng lớn nhất:……..…..(m)

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):*........................................

Máy phụ *(nếu có):* ....................................…........................................................

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc đóng tại ...)*:………..……………………

……...………...................*(cá nhân hoặc tổ chức)*.....……..................................

Địa chỉ : ................................................................................................................

Thời gian *(mua, tặng, đóng)*……………..……..…. ngày...... tháng ...... năm ....

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ................................. ngày ..... tháng ..... năm....

Nay đề nghị .............................................……………… đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương cấp phường, xã

*(Nội dung: Xác nhận ông, bà ……………đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)*

*(Ký tên, đóng dấu)*

.........., ngày .... tháng .... năm 20… 200...

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(Ký tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ……….

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………..

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………….

Loại phương tiện: .....................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: ........................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):............................................./...................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:.............................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: ............................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại .................................

Đèn tín hiệu: .............................................................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**25. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ quan đăng ký phương tiện theo phân cấp tại thông tư số 75/2014/TT-BGTVT hoặc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác cho Sở GTVT. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở giao thông vận tải Bắc Ninh; cơ quan quản lý giao thông cấp huyện; UBND các xã;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở giao thông vận tải Bắc Ninh; cơ quan quản lý giao thông cấp huyện; UBND các xã;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở giao thông vận tải Bắc Ninh; cơ quan quản lý giao thông cấp huyện; UBND các xã;;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư số 47/2005/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác*  *sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)* |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:……..… đại diện cho các đồng sở hữu …….

- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây: ……………………………………

- Trụ sở chính: (1)…………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: .................................. Ký hiệu thiết kế: ..................

Công dụng: ............................................................................................................

Năm và nơi đóng: ........................................................................…….….............

Cấp tàu: ................................................. Vật liệu vỏ: ..........................

Chiều dài thiết kế: ............................... m Chiều dài lớn nhất: ...........m

Chiều rộng thiết kế:............................. m Chiều rộng lớn nhất:.........m

Chiều cao mạn: ................................... m Chiều chìm: .............……m

Mạn khô: ............................................. m Trọng tải toàn phần:….tấn

Số người được phép chở: ............. người Sức kéo, đẩy: ..................tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất ):*.......................................

Máy phụ *(nếu có):* ................................................................................................

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có):* ..................... ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Do cơ quan ...................................................................................................cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.…………………

.....................................................do cơ quan ...........................……………cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ............ ngày ..... tháng ..... năm 20......

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

………, ngày……tháng……năm 20.…

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………

Loại phương tiện: ...................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: ...................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):............................./............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:.......................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: ....................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ................................

Đèn tín hiệu: ...............................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**26. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ quan đăng ký phương tiện theo phân cấp tại thông tư số 75/2014/TT-BGTVT hoặc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác cho Sở GTVT. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

*- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tính năng kỹ thuật:*

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

* Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;
* 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
* Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;
* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
* Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

*- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tên:*

* Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;
* 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
* Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)* | |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………

**Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ................................. Số đăng ký: ...................................

do….............................…….................. cấp ngày ...... tháng ...... năm ....…

Công dụng: ........................................... Ký hiệu thiết kế: ............................

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………

Cấp tàu: ......................................……. ... Vật liệu vỏ: ....................................

Chiều dài thiết kế: ......................…….m Chiều dài lớn nhất: .......…..........m

Chiều rộng thiết kế:.........................….m Chiều rộng lớn nhất:...................m

Chiều cao mạn: ..............................…..m Chiều chìm: ................................m

Mạn khô: …....................................... m Trọng tải toàn phần:..................tấn

Số người được phép chở: ............. người Sức kéo, đẩy: ............................tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất ):* …………...............Máy phụ *(nếu có):* .........................….......................................................................

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do: …………………..

……………………………………………………………………………………

*(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)*

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

........, ngày .... tháng .... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ……….

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………..

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………….

Loại phương tiện: ........................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: ........................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):............................/............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:..............................................................

Tình trạng hoạt động của máy: ............................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại .............................

Đèn tín hiệu: ............................................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**27. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ quan đăng ký phương tiện theo phân cấp tại thông tư số 75/2014/TT-BGTVT hoặc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác cho Sở GTVT. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: …………………

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Số đăng ký: ……………

Công dụng: ……………………………….. Ký hiệu thiết kế: …………

Năm và nơi đóng: …………………………………………………………

Cấp tàu: …………………… Vật liệu vỏ: …………………

Chiều dài thiết kế: ……………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………. m

Chiều rộng thiết kế: ……………… m Chiều rộng lớn nhất: …………………m

Chiều cao mạn: ……………………m Chiều chìm: …………………m

Mạn khô: …………………………………m Trọng tải toàn phần: …………...tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ……………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………

Máy phụ *(nếu có)*: ………………………………………………………..

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* …………………  
từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)* ………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………………………….

Đã đăng ký tại ………………………………… ngày ….. tháng ….. năm...

Nay đề nghị …………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**28. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ quan đăng ký phương tiện theo phân cấp tại thông tư số 75/2014/TT-BGTVT hoặc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác cho Sở GTVT. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm..

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) …………………………….…………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: …………………

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Số đăng ký: ……………….

Công dụng: ……………………….. Ký hiệu thiết kế: …………………………

Năm và nơi đóng: …………………………………………………………

Cấp tàu: ……………………………… Vật liệu vỏ: …………………

Chiều dài thiết kế: ………….. m Chiều dài lớn nhất: ………………. m

Chiều rộng thiết kế: …………………… m Chiều rộng lớn nhất: …………m

Chiều cao mạn: ……………………m Chiều chìm: ………………m

Mạn khô: …………………m Trọng tải toàn phần: …………………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: …………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ………………………………………………………..

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* …………………  
từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)* ……………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………

Đã đăng ký tại …………………………………… ngày ….. tháng ….. năm...

Nay đề nghị ……………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**29. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ quan đăng ký phương tiện theo phân cấp tại thông tư số 75/2014/TT-BGTVT hoặc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác cho Sở GTVT. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …………… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1) ………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: …………………

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ……….. Số đăng ký: ……………

do ………………………….. cấp ngày ….. tháng ….. năm …….

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: Cấp tàu: …………………

Công dụng: …………………….. Vật liệu vỏ: ………………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………. m

Chiều rộng thiết kế: ……………… m Chiều rộng lớn nhất: ……………m

Chiều cao mạn: Mạn khô: ………………. mTrọng tải toàn phần: ………… tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………..tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………

…………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ………………………………………………………………

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: .………

*(nêu lý do thay đổi địa chỉ)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**30. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ quan đăng ký phương tiện theo phân cấp tại thông tư số 75/2014/TT-BGTVT hoặc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác cho Sở GTVT. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………

- Điện thoại: …………………………. Email: ……………………

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ……………… Số đăng ký: ………

do ……………………………………. cấp ngày ….. tháng ….. năm ……..

Công dụng: …………………….. Vật liệu vỏ: ………………………………

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………

Chiều dài thiết kế: …………….. m Chiều dài lớn nhất: …………..m

Chiều rộng thiết kế: ……………… m Chiều rộng lớn nhất: ………………… m

Chiều cao mạn: ……………. m Chiều chìm: ……………………………m

Mạn khô: …………………. m Trọng tải toàn phần: …………………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ……………………

……………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

………………………………………………………………………

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**31. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan đăng ký phương tiện có thẩm quyền.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý; Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các Cơ quan đăng ký phương tiện theo phân cấp tại thông tư số 75/2014/TT-BGTVT hoặc tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác cho Sở GTVT. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký phương tiện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký phương tiện;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan đăng ký phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ……………

- Trụ sở chính: (1) …………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: …………………

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ……………… Số đăng ký: …………………………….

Công dụng: ……………….. Ký hiệu thiết kế: ………………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………

Cấp tàu: ………………… Vật liệu vỏ: ………………………………

Chiều dài thiết kế: ……….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………..m

Chiều rộng thiết kế: ……… m Chiều rộng lớn nhất: ………………… m

Chiều cao mạn: ……………. m Chiều chìm: ……………………………m

Mạn khô: ………………. m Trọng tải toàn phần: ………………….. tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ……………….tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: …………………………

……………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: …………………………………………………………

Nay đề nghị …………………………………xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký ……………………………………………………

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**32. Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế đến cơ quan quản lý đường thủy nội địa.

- Cơ quan quản lý đường thủy nội địa bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với công trình đường thủy nội địa quốc gia);

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (đối với công trình đường thủy nội địa địa phương).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan quản lý đường thủy nội địa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu điện, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan quản lý đường thủy nội địa có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý đường thủy nội địa phải có văn bản chấp thuận việc tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi cho đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa thông qua hệ thống bưu chính hoặc nhận trực tiếp tại trụ sở cơ quan.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;

- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;

- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;

- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

- Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v Xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế**

Kính gửi: ………………………

1. Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì:

- Người đại diện: …………………………………… Chức vụ: ………….

- Địa chỉ liên hệ: …………………………………….  Số điện thoại: ……

2. Tên công trình:

- Địa điểm: ……………………………………………………………………….

3. Loại công trình: …………………………………..  Cấp công trình: …………

4. Tên tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng công trình:

- Địa chỉ: …………………………………………..        Điện thoại: ……………

5. Nội dung báo cáo và đề nghị xử lý công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế:

……………………………………………………………………………………

*(Ghi các nội dung đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 5 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….. ngày …… tháng ……. năm ……* **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Tài liệu gửi kèm:**

- Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;

- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;

- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;

- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;

- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy nội địa.

**33. Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

- Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa như sau:

+ Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cảng thủy nội địa có khu đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương hoặc vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên vùng nước cảng biển.

+ Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủynước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa gửi chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

C**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân ...........................................................................

Địa chỉ trụ sở: ...........................................................................................

Số điện thoại: ……………………. Số fax ...............................................

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (2) ..................

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ …………… đến km thứ ..................

Trên bờ (phải hay trái) ……………. sông, (kênh) ................................

Thuộc địa phận: xã (phường) ……………, huyện (quận) ...........................

Tỉnh (thành phố): ..............................................................................

Quy mô dự kiến xây dựng: ................................................................

Mục đích sử dụng: ..............................................................

Phạm vi vùng đất sử dụng: ...................................................................

Phạm vi vùng nước sử dụng ....................................................................

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức (cá nhân) làm đơn** Ký và đóng dấu |

***Ghi chú:***

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

**34. Công bố lại cảng thủy nội địa.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ cảng thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động lại cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

- Cảng thủy nội địa phải công bố lại trong các trường hợp sau:

+ Khi thay đổi chủ sở hữu;

+ Quyết định công bố hoạt động hết hiệu lực;

+ Thay đổi kết cấu công trình cảng, vùng đất, vùng nước hoặc thay đổi công dụng của cảng.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa do chủ cảng nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Bộ Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Đối với trường hợp do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung đã công bố, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng cảng và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

- Đối với trường hợp công bố lại do có sự thay đổi về kết cấu công trình cảng, vùng nước, vùng đất, công dụng của cảng, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh các nội dung thay đổi;

- Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, thực hiện theo quy định về công bố hoạt động cảng thủy nội địa đối với phần xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp;

- Đối với cảng thủy nội địa được công bố hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 do thất lạc hồ sơ, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình cảng, bình đồ vùng nước, vùng đất của cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu.

**10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày….. tháng….. năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1)…………………………………………………………………….

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: ……………………………….Số FAX

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2)

Vị trí cảng: từ km thứ ………………………………. đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) ……………………. sông, (kênh)

Thuộc xã (phường) …………………………., huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

Cảng thuộc loại:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi.):

Phạm vi vùng nước sử dụng:

Vùng đón trả hoa tiêu (nếu có)

Phương án khai thác:

Loại phương tiện cảng có khả năng tiếp nhận:

Lý do đề nghị công bố lại:

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ...../ ...../ ..... đến hết ngày . ...../ ...../

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định, của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Tổ chức (cá nhân) làm đơn **Ký tên và đóng dấu** |

***Ghi chú:***

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.